

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 15/2021/HSST
Ngày 10-6-2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khiêm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Hưng và ông Vũ Đức Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Điều Smi - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Văn - Kiểm Sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2021/HSST-QĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021, đối với bị cáo:

Lê Văn S, sinh năm 2000 tại tỉnh Bình Phước; nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ Văn hóa: 5/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Lê Văn B (không xác được năm sinh và chỗ ở) và con bà Trần Thị L, sinh năm 1973; Hiện trú tại: Ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước; Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ từ ngày 28-01-2021 đến ngày 03-02-2021 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú – Có mặt.

Bị hại: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn 1, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 24/01/2021, Lê Văn S đến làm thuê tại Công trình Thủy Lợi đang thi công thuộc thôn 1, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông. Trong thời gian làm công trình tại đây Lê Văn S cùng Hà Văn L, Hà Văn Đ và M đến ăn cơm tại nhà bà Nguyễn Thị C (sinh

năm 1966, trú tại thôn 1, xã Q, huyện T). Khoảng 18 giờ ngày 25/01/2021, Lê Văn S và Hà Văn L đến nhà bà C ăn cơm tối như thường lệ. Sau khi ăn cơm xong, Lê Văn S phát hiện điện thoại hết pin nên đi vào phòng ngủ của bà C để tìm dây sạc điện thoại. Lúc này, trong phòng ngủ không có người, nên S nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của gia đình bà C. S tiến đến mở cửa cánh tủ ra thì phát hiện bên trong tủ có 01 hộp nhựa hình tròn màu đỏ để ở ngăn phía trên bên phải, khi mở hộp nhựa ra thì thấy bên trong có 01 xấp tiền mệnh giá 200.000 đồng. Lê Văn S cầm tiền lên đếm được 5.000.000 đồng rồi bỏ toàn bộ số tiền trên vào túi quần bên phải và đi ra ngoài phòng khách ngồi chơi với L được khoảng 05 phút thì cả hai đi về lại lán của công trình ngủ. Đến sáng ngày 26/01/2021 Lê Văn S đón xe khách đến xã Đ, huyện G thuê nhà nghỉ để ở và tiêu xài cá nhân hết 4.200.000 đồng.

Đến 14 giờ ngày 27/01/2021, bà Nguyễn Thị C dọn nhà thì phát hiện mất tiền nên đã trình báo Công an xã Quảng Tân, huyện Tuy Đức, Cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy Đức. Quá trình điều tra ban đầu đã xác định Lê Văn S là người trộm cắp tiền của bà C nên đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can để điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật. Tại Cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy Đức, Lê Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số: 17/CT-VKS ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức quyết định truy tố bị cáo Lê Văn S về tội: “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thừa nhận Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” là đúng, không oan.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Sau khi xem xét các chứng cứ buộc tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Văn S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn S từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường, bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết.

Việc xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận Cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy Đức đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 04 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng; 01 hộp nhựa hình tròn, bên ngoài có bọc vải màu đỏ, đường kính 18 cm, cao 02 cm cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Nguyễn Thị C.

Tại phiên tòa bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung Cáo trạng đã công bố, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 19 giờ ngày 25/01/2021 tại nhà bà Nguyễn Thị C thuộc thôn 1, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông, Lê Văn S đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị C. Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Lê Văn S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự

Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm

... ”

[3]. Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức truy tố bị cáo Lê Văn S về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4]. Xét hành vi do bị cáo gây ra là ít nghiêm trọng. Bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển được mọi hành vi của bản thân trong cuộc sống, bị cáo phải biết tài sản của người khác là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ nhưng với ý thức coi thường pháp luật mà bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của người khác. Do vậy, Hội đồng xét xử cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với mức độ, hành vi của bị cáo đã gây ra.

[5]. Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tự

nguyên khắc phục hậu quả; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, h, i, s, khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6]. Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[7]. Về hình phạt: Xét bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cần áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng án treo, đồng thời giao bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đảm bảo được mục đích của hình phạt.

[8]. Việc bồi thường thiệt hại: Quá trình điều tra bị cáo đã bồi thường, bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập

[9]. Việc xử lý vật chứng: Xét Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức ra Quyết định xử lý vật chứng số 04 ngày 05/02/201 trả lại trả lại 04 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng; 01 hộp nhựa hình tròn, bên ngoài có bọc vải màu đỏ, đường kính 18 cm, cao 02 cm cho bà Nguyễn Thị C là chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp cần chấp nhận.

[10]. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm;

[11]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn S phạm tội *“Trộm cắp tài sản”*.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s, khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 khoản 2 khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn S 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Văn S cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách bị cáo Lê Văn S cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt này và tổng hợp hình phạt của bản án mới.

2. Việc xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức ra Quyết định

xử lý vật chứng số 04 ngày 05/02/201 trả lại 04 tờ tiền mệnh giá 200.000đ; 01 hộp nhựa hình tròn, bên ngoài có bọc vải màu đỏ, đường kính 18 cm, cao 02 cm cho bà Nguyễn Thị C.

3. Về án phí Hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Văn S phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Phòng PV 06; PC 10 CA tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- UBND xã T, huyện B;
- Công an huyện Tuy Đức;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS, VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Văn Khiêm